

Số: /2024/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 01 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nội dung, định mức chi các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, định mức chi các hoạt động Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, định mức chi các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thời gian thực hiện: Từ khi Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Khoá XVII, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 01 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Ban Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo và CV VP ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Công báo tỉnh;
- Trang TTĐT Đại biểu dân cử tỉnh;
- Trung tâm CNTT-Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu:VT.

(để b/c)

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nội dung, định mức chi các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2025

*(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày 01 tháng 03 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi, định mức chi các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số sử dụng nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (*sau đây viết tắt là Chương trình*).

Chương II

NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC CHI

Điều 3. Nội dung và định mức chi chung

1. Chi mua thuốc (*bao gồm cả thuốc kháng vi rút HIV (ARV) cho bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS, thuốc điều trị lao cho bệnh nhân mắc lao không có thể BHYT; thuốc Methadone cho bệnh nhân điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; thuốc điều trị bệnh nhân động kinh và tâm thần phân liệt, Vitamin A*), vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng (*bao gồm cả vắc xin phòng bệnh ung thư cổ tử cung*), mẫu thực phẩm, trang thiết bị y tế, sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù; sữa chữa, duy tu, bảo dưỡng tài sản phục vụ các hoạt động của Chương trình. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi tiêu hủy bơm kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hóa chất hết hạn sử dụng (*nếu có*) thuộc Chương trình; tiêu hủy hàng vô chủ là thực phẩm, nguyên liệu, vật tư, hóa chất sản xuất, chế biến thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (*đã bao*

gồm thực phẩm giả, thực phẩm nhái, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm không đảm bảo an toàn) phát hiện trong các đợt kiểm tra, giám sát thuộc Chương trình theo quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- a) Mua nhiên liệu, hóa chất, vật tư dùng cho tiêu hủy (*nếu có*).
- b) Thuê kho lưu giữ vật tư, hóa chất, mầm bệnh độc phải thực hiện tiêu hủy.
- c) Thuê máy móc, thiết bị phục vụ tiêu hủy (*nếu cần thiết*).
- d) Thuê nhân công thực hiện việc tiêu hủy (*nếu có*), mức chi: 300.000 đồng/ngày. Trường hợp phải thuê cơ quan, đơn vị khác thực hiện việc tiêu hủy, mức chi thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn của đơn vị thực hiện tiêu hủy.

Mức chi quy định tại điểm a, b và c khoản này căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo hợp đồng, hóa đơn, các chứng từ chi tiêu hợp pháp phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thực hiện.

3. Hỗ trợ người cho, lấy mẫu, bảo quản mẫu xét nghiệm, mẫu phân tích theo quy định về chuyên môn y tế để xác định các bệnh thuộc Chương trình trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát, bao gồm:

- a) Hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (*trừ mẫu dịch não tủy*): 7.000 đồng/mẫu.
- b) Hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy: 30.000 đồng/mẫu.
- c) Hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu; người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu.
- d) Chi bảo quản, mua mẫu, xét nghiệm, kiểm nghiệm mẫu phục vụ hoạt động điều tra, thống kê, giám sát của Chương trình. Mức chi thực hiện theo chứng từ, hóa đơn hợp pháp và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm lấy mẫu.

4. Chi giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi của Chương trình, nhân viên y tế, dân số đi giám sát ngoài chế độ công tác phí quy định được hỗ trợ mức 40.000 đồng/người/ngày.

5. Hỗ trợ cán bộ thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ tại cộng đồng: 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng.

6. Hỗ trợ những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc, phát hiện, quản lý sàng lọc; khám chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động thuộc Chương trình ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên: 60.000 đồng/người/ngày; Đối

tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: 40.000 đồng/người/ngày.

Điều 4. Hỗ trợ hoạt động phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến

1. Hoạt động phòng, chống phong

a) Hỗ trợ cho nhân viên y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà. Mức hỗ trợ như sau: Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều. Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Hỗ trợ cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán: 200.000 đồng/bệnh nhân.

2. Hoạt động phòng, chống lao

a) Hỗ trợ nhân viên y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính tại cộng đồng: Mức hỗ trợ: 30.000 đồng/bệnh nhân lao, lao kháng thuốc có bằng chứng vi khuẩn học.

b) Hỗ trợ nhân viên y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-12 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng; 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

3. Hoạt động phòng, chống sốt rét và sốt xuất huyết

a) Hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét, sốt xuất huyết định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

b) Hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

c) Hỗ trợ người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm.

d) Hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: 300.000 đồng/người/ngày.

đ) Hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (*không kể thành viên của hộ gia đình*): 3.000 đồng/hộ/lần, tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

Kinh phí chi trả cho các đối tượng tại khoản c, d, đ mục này là người lao động làm việc theo hợp đồng dịch vụ (*thuê ngoài*).

4. Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

a) Hỗ trợ người thực hiện tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét

nghiệm HIV: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng.

b) Hỗ trợ đối tượng nguy cơ cao cho mẫu máu, bệnh phẩm phục vụ hoạt động giám sát, phát hiện nhiễm HIV/AIDS: 50.000 đồng/mẫu.

c) Hỗ trợ triển khai can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV: Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng chế độ hỗ trợ từ nguồn kinh phí Chương trình và ngược lại; Hỗ trợ sinh hoạt nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng hàng tháng: 1.200.000 đồng/nhóm/năm; Trợ cấp một lần đối với thành viên tuyên truyền viên đồng đẳng có nhiều thành tích đóng góp trong công tác phòng, chống HIV/AIDS có hoàn cảnh khó khăn: 200.000 đồng/thành viên.

d) Hỗ trợ toàn bộ chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV không có thẻ bảo hiểm y tế và kinh phí đồng chi trả cho bệnh nhân tham gia điều trị bằng thuốc kháng vi rút HIV.

5. Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

a) Hỗ trợ cho nhân viên y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

b) Hỗ trợ cho nhân viên y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã/tháng.

c) Hỗ trợ nhân viên y tế tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực đồng bằng và thành thị, 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực miền núi nhưng không quá 100.000 đồng/thôn, khu dân cư/tháng.

6. Hoạt động phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

Hỗ trợ nhân viên y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/nhân viên y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

7. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt

a) Hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.

b) Hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường

máu: 5.000 đồng/mẫu.

c) Hỗ trợ khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát: 10.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 5. Hỗ trợ hoạt động Tiêm chủng mở rộng

1. Hỗ trợ nhân viên y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của Chương trình: 2.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin.

2. Hỗ trợ nhân viên y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung: 2.000 đồng/trẻ/liều (*lần tiêm*).

3. Hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

4. Chi giám sát, điều tra liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định: 400.000 đồng/ca bệnh.

Điều 6. Hỗ trợ hoạt động Dân số và Phát triển

1. Hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại các xã khi tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con. Mức hỗ trợ: 300.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.

2. Chi mua phương tiện tránh thai theo danh mục do Bộ Y tế ban hành cấp miễn phí cho đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại các xã, phường, thị trấn khi tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con.

3. Hỗ trợ thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội khi thực hiện khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định. Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành (*chi phí này đã bao gồm lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh*).

4. Chi cập nhật thông tin về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

5. Hỗ trợ nhân viên y tế của Trạm Y tế chăm sóc người tự nguyện triệt sản tại nhà sau phẫu thuật (*nếu có*): 50.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.

6. Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng

a) Hỗ trợ nhân viên y tế chuyên ngành phục hồi chức năng tuyến tỉnh thực

hiện tư vấn, hướng dẫn và can thiệp các biện pháp phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại Trạm Y tế: 50.000 đồng/buổi, nhưng không quá 200.000 đồng/tháng/người.

b) Hỗ trợ cộng tác viên, nhân viên y tế thôn, khu dân cư trực tiếp tư vấn, hướng dẫn phục hồi chức năng và can thiệp các biện pháp tự chăm sóc cho người khuyết tật hoặc hướng dẫn phục hồi chức năng và các biện pháp chăm sóc cho người nhà người khuyết tật tại gia đình: Tối đa 100.000 đồng/người/thôn, khu dân cư/tháng.

Điều 7. Hỗ trợ hoạt động An toàn thực phẩm

1. Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm.

2. Hỗ trợ người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh lây truyền qua thực phẩm. Mức hỗ trợ như sau:

a) Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: Mức chi 130.000 đồng/người/ngày.

b) Tại các khu vực, địa điểm khác: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

Điều 8. Hỗ trợ hoạt động Quân dân y kết hợp

1. Hỗ trợ nhân viên y tế tại các cơ sở y tế được huy động tham gia công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng quân dân y kết hợp nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp, mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

2. Hỗ trợ chi phí tổ chức khám bệnh lưu động và khám bệnh theo chiến dịch cho các đối tượng chính sách, người thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh. Mức hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ nhân viên y tế trực tiếp tham gia khám chữa bệnh: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ kinh phí tổ chức khám bệnh, chữa bệnh; mua vật tư y tế, hóa chất, thuốc (thuốc điều trị và thuốc khác): Định mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/lần khám bệnh, tối đa không quá 02 lần/năm.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành./.